

Cao Bằng, ngày 24 tháng 8 năm 2022

ĐIỂM BÀI THU HOẠCH

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 04 (huyện Hạ Lang)

Môn: Phần C.III - Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội

Ngày thi: 08/8/2022

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
1	Thắm Thị Bạch	8,00	Tám	41	Triệu Thúy Mơ	7,50	Bảy phẩy năm
2	Triệu Thị Chiêm	7,75	Bảy phẩy bảy năm	42	Hoàng Thị My	8,00	Tám
3	Nông Thị Chinh	7,50	Bảy phẩy năm	43	Nông Văn Nam	8,25	Tám phẩy hai năm
4	Triệu Thị Chủ	7,00	Bảy	44	Nông Thị Hoàng Nga	7,50	Bảy phẩy năm
5	Nông Thị Chuyên		Chuyển lớp	45	Lã Thị Nga	7,75	Bảy phẩy bảy năm
6	Đàm Bích Diệp	7,00	Bảy	46	Đường Văn Ngọc	7,50	Bảy phẩy năm
7	Phạm Thị Dịu	8,00	Tám	47	Phùng Ánh Nguyệt	7,75	Bảy phẩy bảy năm
8	Thắm Thị Duyên	7,50	Bảy phẩy năm	48	Mã Lý Nhung	8,25	Tám phẩy hai năm
9	Hoàng Thị Định	7,50	Bảy phẩy năm	49	Trần Thị Phương	8,00	Tám
10	Bé Thị Đoan	7,50	Bảy phẩy năm	50	Phạm Thị Phượng	7,75	Bảy phẩy bảy năm
11	Nông Thị Hồng Gấm	7,25	Bảy phẩy hai năm	51	Nông Thị Quy	8,25	Tám phẩy hai năm
12	Phùng Thị Thu Hằng	6,75	Sáu phẩy bảy năm	52	Nông Thị Riên	8,00	Tám
13	Hoàng Văn Hành	7,25	Bảy phẩy hai năm	53	Nông Văn Siền	7,50	Bảy phẩy năm
14	Hoàng Minh Hậu	8,00	Tám	54	Hoàng Thị Tâm	6,75	Sáu phẩy bảy năm
15	Nông Thị Hiền	7,25	Bảy phẩy hai năm	55	Nông Thị Thạch	8,00	Tám
16	Đàm Văn Hiệp	8,00	Tám	56	Đinh Viết Thiện	7,75	Bảy phẩy bảy năm
17	Hoàng Thị Hoa	6,75	Sáu phẩy bảy năm	57	Mã Thị Thiệp	7,00	Bảy
18	Phan Triệu Học	8,00	Tám	58	Nông Thị Thoa	8,00	Tám
19	Nông Thị Hồng	7,00	Bảy	59	Bé Văn Thoại	7,75	Bảy phẩy bảy năm
20	Nông Thị Hợp	7,00	Bảy	60	Nông Thị Thu	7,25	Bảy phẩy hai năm
21	Nông Văn Huân	8,00	Tám	61	Nông Ngọc Thụ	8,00	Tám
22	Triệu Bích Huệ	6,75	Sáu phẩy bảy năm	62	Mã Thị Thương	8,00	Tám

ĐHB

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
23	Nông Thế Hùng	8,00	Tám	63	Hà Văn Thượng	8,00	Tám
24	Nông Thanh Hùng	8,00	Tám	64	Mã Thị Thùy	7,50	Bảy phẩy năm
25	Đàm Thị Hương	8,00	Tám	65	Nông Linh Thủy	7,50	Bảy phẩy năm
26	Hoàng Thị Bích Huyền	7,25	Bảy phẩy hai năm	66	Lương Thị Thủy	8,00	Tám
27	Hoàng Thị Thu Huyền	7,50	Bảy phẩy năm	67	Hoàng Văn Tú	8,00	Tám
28	Đường Thị Kết	7,50	Bảy phẩy năm	68	Hoàng Thị Bích Từ	7,50	Bảy phẩy năm
29	Lương Thị Vân Khánh	8,00	Tám	69	Bạch Văn Tùng	7,75	Bảy phẩy bảy năm
30	Lương Thị Hồng Lê	7,50	Bảy phẩy năm	70	Phạm Thị Tươi	7,00	Bảy
31	Lương Thị Liễu	7,50	Bảy phẩy năm	71	Triệu Thị Tuyên	7,25	Bảy phẩy hai năm
32	Nông Thị Linh	8,00	Tám	72	Trần Thị Tuyết	7,50	Bảy phẩy năm
33	Hoàng Thị Loan	7,75	Bảy phẩy bảy năm	73	Bé Thị Ánh Tuyết	8,00	Tám
34	La Thị Loan	7,50	Bảy phẩy năm	74	Lộc Thị Vân	7,75	Bảy phẩy bảy năm
35	Nông Thị Thanh Loan	7,50	Bảy phẩy năm	75	Lý Thị Vân	8,00	Tám
36	Phạm Minh Loan	8,00	Tám	76	Nông Thị Vân	8,00	Tám
37	Hà Thị Luyên	8,00	Tám	77	Lộc Thị Viên	8,00	Tám
38	Nông Thị Luyên	8,00	Tám	78	Chu Văn Xuyên	7,50	Bảy phẩy năm
39	Đàm Thị Mên	7,50	Bảy phẩy năm	79	Hứa Văn Du	6,50	Sáu phẩy năm
40	Long Nông Nữ Minh	6,75	Sáu phẩy bảy năm				

Điểm 6,50: 01 điểm; Điểm 6,75: 05 điểm; Điểm 7,00: 06 điểm; Điểm 7,25: 06 điểm; Điểm 7,50: 20 điểm; Điểm 7,75: 09 điểm; Điểm 8,00: 28 điểm; Điểm 8,25: 03 điểm./.

GHI ĐIỂM

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH
TRƯỞNG PHÒNG

HIỆU TRƯỞNG

DHlw

Valyp



Đoàn Thị Kim Liên

Đoàn Thị Vân Thúy

Trịnh Thị Ánh Hoa